

Hòa thượng Thích Quang Ưng sống trọn nghĩa với đạo, vẹn tình với nước

ISSN: 2734-9195 15:15 13/10/2025

Hòa thượng Thích Quang Ưng là một bậc chân tu giản dị, sống thanh bần thủ đạo, cả cuộc đời hết lòng phụng sự Tam Bảo, giúp đỡ nhân sinh, cống hiến cho đất nước.

Tác giả: **Thích Hải Thịnh (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

I. Dẫn nhập

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thời hiện đại, những năm đầu cho đến giữa thế kỷ XX, Đại lão Hòa thượng Thích Quang Ưng được xem là một bậc danh Tăng ẩn tu, an bần thủ đạo tại vùng quê yên bình, song đứng trước vận mệnh của đất nước, những khó khăn vất vả của nhân dân khi bị giặc ngoại xâm đô hộ, chế độ Phong kiến bóc lột, áp bức khổ cực tận cùng, thì ở vùng đất Trấn Sơn Nam cổ đã xuất hiện bậc long tượng, người đã kết mối lương duyên hòa hợp giữa đạo với đời, Ngài học rộng biết sâu, uyên thâm về Phật pháp, thực hành Bồ tát hạnh với những việc làm ý nghĩa sâu sắc thiết thực. Ngài là ngọn đuốc sáng, tiếp lửa cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, tiêu biểu cho tinh thần phụng đạo, yêu nước, hi sinh cho đạo pháp và dân tộc, vì hạnh phúc nhân dân.

II. Nội dung

2.1 Thân thế và nơi xuất gia tu học

2.1.1 Thân Thế

Thân thế: Ngài thế danh là Nguyễn Viết Ưng, pháp danh là Thích Quang Ưng. Ngài sinh năm Mậu Tý (1888), là chàng trai dòng họ Nguyễn Viết chi thứ 3, đời

thứ 6 tại xóm 6, xã An Bài, tổng Ngô Xá xưa kia nay là thôn An Bài, Đồng Du, xã Bình Lục, tỉnh Ninh Bình.

Sư cụ Thích Quang Ưng (thế danh: Nguyễn Viết Ưng) sinh ra trong một gia đình thuần nông, tín tâm Tam Bảo, nhiều đời tin theo Phật, có Thân phụ là cụ ông: Nguyễn Viết Đốc (tự Phúc Đốc, thuộc đời thứ 5 dòng tộc họ Nguyễn Viết), thân mẫu là cụ bà: Hoàng Thị Thập- hiệu Diệu Mười, ông bà được cha mẹ tác hợp nên duyên vợ chồng và hạ sinh được sư cụ và hai người em gái là Nguyễn Thị Nhu (đã mất lúc nhỏ) và Nguyễn Thị Nho đã đi lập gia đình, yên bề gia thất.

Khi còn nhỏ, Ngài hay theo bà, theo mẹ đi chùa ngày rằm mồng một, do vậy mà Ngài đã theo học chữ Nho tại chùa làng, các thầy đồ trong làng và sớm kết duyên gắn bó với đời sống đạo Phật.

2.1.2 Nơi xuất gia tu học

Năm Canh Tý (1900), cụ bà Hoàng Thị Thập (thân mẫu của Ngài) nhận thấy những phúc duyên, sự nhu hoà trong đời sống hàng ngày của Ngài hơn những người cùng trang lứa nên đã dẫn Ngài lên chốn tổ đình chùa Long Đọi Sơn - Diên Linh Tự (chùa Đọi) để học chữ Nho, tập sự cho việc tu, tìm hiểu kiến thức giáo lý Phật đà. Rồi cũng trong năm này, Ngài bén duyên xuống tóc, hạ đao thế phát xuất gia tại tổ đình Long Đọi Sơn trước sự chứng minh của đông đảo chư Tăng bản môn. Ngài vân du sam học tại các chốn Tổ đình lớn của Phật giáo như: chốn tổ đình Tế Xuyên, Vĩnh Nghiêm, chùa Hương, Hàm Long, chùa Cả (Thánh Ân Tự),...



Chùa Long Đọi Sơn (ảnh: Internet)

Năm Canh Tuất (1910), sau thời gian dài chuyên tâm tu học, Ngài được dân thôn nhất tâm xin về giữ vị trí trụ trì chùa Quang Minh - thôn Bình xã Ô Mễ, tổng Ô Mễ (nay là làng Bình, thôn Quyết Thắng, xã Bình Lục, tỉnh Ninh Bình), sớm chiều thời khoá tụng niệm, thỉnh Đại hồng chung cầu nguyện quốc thái dân an, nhân sinh lợi lạc. Từ năm 1918, Đại lão Hòa thượng đã tập hợp quần chúng, tổ chức nhiều lớp dạy học chữ Nôm và chữ Quốc ngữ cho nhân dân, tuyên truyền văn hóa nếp sống mới như cách ăn mặc gọn gàng, xưng hô chuẩn mực, cư xử thuận hòa ...

2.1.3 Thời kì Ngài trụ trì chùa Quang Minh cùng tham gia các hoạt động cách mạng

Năm 1921, thấy được nỗi khổ cùng cực, một cổ đôi tròng, hàng trăm gia đình bần cố nông không có đất họ phải đi làm thuê cuốc mướn, mò cua bắt ốc để sống qua ngày, nhiều hộ gia đình phải bỏ làng xóm ra đi khắp nơi tìm kế sinh nhai, đi làm phu mỏ than, đồn điền cao su Nam Bộ, ngày ra đi không có ngày trở lại cho nên Ngài đã cổ vũ tinh thần yêu nước, cùng nhân dân kéo đến tri huyện Phố phủ Bình Lục biểu tình, đòi đất canh tác và đã phá kho lấy được hàng trăm thúng thóc chia cho nhân dân.

Năm 1925 Ngài đi sam phương ra chốn tổ Yên Tử tu học hạ 3 tháng, được tiếp cận với tư tưởng chủ nghĩa Mác- Lê nin và đường lối cứu nước giải phóng dân tộc của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã được các hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên- học trò xuất sắc của Người truyền bá về trong nước khu vực Đông Triều- Uông Bí, tiếp đến Ngài lại chịu sự ảnh hưởng của phong trào cách mạng vùng mỏ, lại được giao lưu tiếp cận cùng Đại lão Hoà thượng Thích Thanh Bình, thế danh Nguyễn Đình Khúc là người làng Gạo- huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (1890-1963) - Trụ trì chùa Nhuệ Hồ (chùa Quảng Phúc), Đông Triều, Quảng Ninh- là người năng nổ hoạt động cách mạng tại vùng Đông Triều, Kinh Môn, Chí Linh,... cũng đã được công nhận là cán bộ Tiên khởi nghĩa năm 2014, với sức mạnh của tuổi trẻ, Hòa thượng đã sớm giác ngộ ý chí cách mạng, trong 3 tháng hạ Ngài đã tích cực tham gia các phong trào đấu tranh vùng mỏ nhằm học hỏi kinh nghiệm phương thức hoạt động của các tổ chức hội nơi đây.

Sau khi đi học hạ ở chốn tổ Yên Tử về, với những tư tưởng chủ nghĩa Mác Lê nin, sự giác ngộ cách mạng từ phong trào đấu tranh vùng mỏ, lại được gặp gỡ trực tiếp hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên- học trò xuất sắc của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá, Ngài khi trở về đã hoạt động tích cực tại thôn Bình, thôn Phùng, thôn Ô Lữ, Ô Mễ, An Bài, Hưng Công, ... một mặt tuyên truyền tư tưởng cách mạng, nêu lên sự tàn độc của Thực dân, thủ đoạn nham hiểm của

phong kiến, những việc làm thất đức mất nhân tính của bọn địa chủ cường hào, ... một mặt Ngài tích cực chăn nuôi, làm ruộng, tăng gia sản xuất và giúp đỡ nhiều người có hoàn cảnh cơ nhỡ, khó khăn.

Từ năm 1928, cao trào nông dân, công nhân đấu tranh chống thực dân Pháp sôi sục khắp mọi miền thành thị thôn quê. Đại lão Hòa thượng đã bí mật liên hệ với các hào phú trong vùng, cùng một số chí sỹ yêu nước ở địa phương đã góp vàng, bạc để mua vũ khí phương tiện thô sơ để ủng hộ cho phong trào cách mạng. Đại lão Hòa thượng đã trực tiếp cùng công nhân các nhà máy Chai, máy Tơ, máy Dệt,... nông dân khắp nơi tham gia biểu tình chống thuế thân, thuế điền, thuế chợ,...

Tháng 05 năm 1930, Đại lão Hòa thượng trực tiếp tham gia cuộc mít tinh tại chợ An Cước, hoà cùng dòng người rải truyền đơn tố cáo chính sách hà khắc của Thực dân Pháp và Phong kiến, cùng nhân dân đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền phản động, trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng do Đảng Cộng Sản lãnh đạo, Thực dân Pháp đã mở rộng chiến dịch khủng bố rất ác liệt, chà đi sát lại nhằm tiêu diệt ý chí cách mạng của nhân dân ta. Hàng trăm cán bộ cách mạng và quần chúng tích cực năng nổ của Đảng ta đã bị bắt. Nhiều đồng chí phải tạm thời lui về ở ẩn nằm vùng, chờ đợi thời cơ chín muồi sẽ lại hoạt động.

Sáng ngày 22 và 25 tháng 08 năm 1930, Ngài đã cùng hàng nghìn nông dân xã Ô Mễ, Đồng Du kết hợp với Hưng Công, Ngọc Lũ,... đã cùng nhau kéo lên huyện đường đấu tranh đòi xoá bỏ Hội đồng cải lương, đòi dân sinh, dân chủ, giảm sưu, giảm thuế, buộc tri huyện Bình Lục phải nhượng bộ những yêu sách của nhân dân.

Ngày 20 tháng 10 năm 1930, Đại lão Hòa thượng đã trực tiếp tham gia cuộc đấu tranh biểu tình với hàng ngàn quần chúng nhân dân, tại Đình Triều Hội, xã Bồ Đề, tiếng trống lệnh nổi lên, pháo nổ giòn giã, các tài liệu được Đại lão Hoà thượng cho in ấn tại chùa Quang Minh như: “Đường Kách Mệnh, cờ búa liềm, truyền đơn, băng rôn khẩu hiệu biểu ngữ”, được đưa ra phát cho quần chúng nhân dân, hàng ngàn người háo hức nghe đồng chí Ngô Gia Bảy - Ủy viên dự khuyết Tỉnh Ủy Hà Nam, đại diện cho Đảng đứng lên diễn thuyết, tố cáo tội ác của bọn đế quốc phong kiến, kêu gọi quần chúng đứng lên theo đảng làm cách mạng, giải phóng quê hương, đất nước được sự hưởng ứng đông đảo với hàng ngàn cánh tay giơ lên đồng thanh hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo Pháp đế quốc chủ nghĩa; Diệt trừ phong kiến chế độ; Ủng hộ Nghệ Tĩnh đỏ; Ủng hộ nông dân Tiền Hải; Ủng hộ nước Nga Xô Viết; Việt Nam Cộng sản Đảng vạn, vạn tuế”, kêu gọi công nhân ở các nhà máy và nhân dân lao động đấu tranh chống áp bức của đế quốc thực dân. Nhiều lần, Ngài bị sai nha, chức dịch của chế độ phong kiến

và mật vụ, mật thám của Pháp bắt bớ, đánh đập tra tấn nhưng Ngài vẫn nhẫn nhục chịu đựng, kiên trung lập trường yêu nước, giữ gìn bí mật bảo vệ cho cách mạng.

Đồng chí Ngô Gia Bǎy - Ủy viên dự khuyết Tỉnh Ủy Hà Nam là người về xã Ô Mễ hoạt động tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân, xây dựng cơ sở của Hội. Sau một thời gian đồng chí đã lập gia đình cùng bà Nguyễn Thị Thuần (bà Thuần là con gái của ông chú sư cụ Thích Quang Ứng, Đại lão Hoà thượng là con của ông Nguyễn Viết Đốc là anh trai ruột của bố bà Nguyễn Thị Thuần, nên trong gia phả thì cụ là anh trai đời thứ 2 của bà Thuần), do vậy mà sư cụ Thích Quang Ứng và đồng chí Ngô Gia Bǎy có mối quan hệ mật thiết trong gia đình, cùng nhau hoạt động cách mạng ngầm.

Bà Đào Thị Lý lấy ông Nguyễn Viết Hưởng sinh ra được 1 người con gái, sau đó ông Hưởng mất sớm, sau khi để tang thờ chồng 7 năm thì bà Lý tái giá lấy ông Ngô Kim Lệ là trai thôn Bình, sư cụ lại về trụ trì sinh hoạt tại chùa Quang Minh (chùa Bình), nên bà Lý đã nhất tâm ra chùa phụ giúp công việc, chấp tác tại chùa vì sư cụ là ông Chú (ông Hưởng là con trai đời thứ 7 dòng họ Nguyễn Viết), do đó ông Hưởng là hàng cháu sư cụ Thích Quang Ứng, như vậy bà Lý tính ra là cháu dâu sư cụ.

Ngài đã chuẩn bị chu đáo lương thực, địa điểm họp trong chùa để nuôi dưỡng cán bộ cách mạng có nơi liên lạc đi về, hội họp. Ngài được tổ chức Đảng giao nhiệm vụ chuyển thư tín, liên lạc của cán bộ biệt phái thuộc Tỉnh ủy Nam Định là đồng chí Lê Công Thanh, Vũ Khế Bật, Trần Quang Tạng với lực lượng nòng cốt của ta trong các xã Ô Mễ, Đồng Du, An Cước, An Bài, Hưng Công, Ngọc Lũ, Tràng Duệ...



Nam Định những ngày đầu "toàn quốc kháng chiến" (ảnh: Interet)

Tháng 7 năm 1936, thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương sau đó đổi là Mặt trận dân chủ Đông Dương đã tác động mạnh vào các tầng lớp nhân dân, công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, ... cao trào nông dân huyện Bình Lục đấu tranh chống thực dân Pháp, Đại lão Hòa thượng đã cùng với các cụ Sư trụ trì các chùa Nội, chùa Phùng, Ô Lữ, Đồng Du Trung, An Bài, Nhân Trai, Cổ Viễn, chùa Thưa, chùa Bùi ... cùng một số vị sư khác của huyện Bình Lục, huyện Duy Tiên, Lý Nhân, Phủ Lý, Thanh Liêm, Hưng Hà (Thái Bình), Quỳnh Phụ (Thái Bình),... tham gia cùng các tổ chức Đảng phái, giai cấp, đoàn thể chính trị, tôn giáo khác nhau để đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, dân sinh như: Tự do hội họp, tự do ngôn luận, tự do báo chí xuất bản, tự do đi lại, ngày làm việc 8 giờ,... liên tục ủng hộ lương thực, thuốc men và tiền mua vũ khí, đạn dược cho cách mạng.

Bọn phong kiến thực dân và bè lũ tay sai, chỉ điểm ở địa phương đã phát hiện Ngài cất chứa chất nổ, mìn tẩu, vũ khí lớn, lại hay dựa vào các khoá lễ để tuyên truyền đường lối, tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc nên chúng đã khủng bố gắt gao, bắt trói và đánh đập dội nước tra tấn treo ngược, rồi dỗ ngon ngọt cho nhiều bạc hoa xòe và tiền Đông Dương nhưng Đại lão Hòa thượng đã không nhận và nhất nhất không chịu khai báo gì. Chúng bức tức giam giữ Ngài vài ngày sau đó thì chúng phải phóng thích thả tự do cho Ngài về.

Năm 1939, Đại lão Hòa thượng đã trực tiếp cùng với các cụ sư trụ trì các chùa Cổ Viễn, chùa Thọ, chùa Nội, chùa Đồng Du Trung, chùa La Hào, Ô Lữ, Phùng, Nhân Trai, chùa Bùi, chùa Thưa,... tham gia vận động thành lập đội Tăng già cứu quốc chi đội Bình Lục. Nhằm mục đích tập hợp Tăng Ni, Phật tử đồng bào Phật giáo theo đường hướng cách mạng, đề cao truyền thống yêu nước, tham gia bảo vệ Tổ Quốc.

Từ năm 1940 đến tháng 2 năm 1945, tại chùa Quang Minh, Đại lão Hòa thượng là cầu nối liên lạc thông tin giữa các vùng cách mạng, các đồng chí Tỉnh Ủy viên Hà Nam như đồng chí Trần Tử Bình, đồng chí Lê Quang Tuấn, Nguyễn Bá Ương,... ở Hưng Công với Ô Mễ, Đồng Du, An Bài, Tràng Duệ... theo đường sông Sắt, liên tục gặp gỡ, hội họp trao đổi phương án, kế hoạch, đường lối hoạt động đấu tranh ở chùa vào ban đêm, có khi địch theo dõi gắt gao phải ở lại mấy ngày tại hậu cung Tam Bảo, phía dưới cửa tòa Tam Thế có hầm bí mật thông ra gốc đa vườn chùa rồi vườn chuối, bụi rong, vườn riềng sả theo rãnh hào ra bờ sông Sắt mà di chuyển đi tránh sự vây bắt của giặc.

Nhiều lần giặc Pháp, lính khố đỏ, quân chỉ điểm tay sai, phản động đi truy lùng càn quét đàn áp vào chùa, nhưng Ngài vẫn ngồi điềm nhiên tụng kinh gõ mõ,

lần tràng niệm Phật, giặc Pháp bắn chỉ thiên, rồi cầm súng lưới lê đứng sau dí vào đầu, có khi chúng lấy móc và mã tấu đâm vào chân làm chảy máu nhưng Ngài vẫn điềm nhiên tĩnh tọa như không có chuyện gì, giữ khí tiết sắc thái bình thường.

Từ tháng 6 năm 1943 đến đầu năm 1945, Đại lão Hòa thượng đã cùng các sư cụ chùa Nội, Đồng Du Trung,... vận động các phú hộ, gia đình có điều kiện khá giả phát tâm ủng hộ gạo tiền, thuốc men để phát chẩn cho bà con nhân dân. Đặc biệt, hàng tháng chùa Quang Minh Ngài còn cho tổ chức 5 ngày nấu cháo cứu đói để phát cho nhân dân chống đói tại chùa.

Đồng thời tuyên truyền nhân dân đi theo cách mạng, kháng Nhật chống Pháp giành độc lập tự chủ. Nhiều khi, cán bộ Việt Minh về họp tại chùa bị giặc phát hiện, không sợ nguy hiểm đến tính mạng, Đại lão Hòa thượng đã nhanh trí nhận là phật tử ở chốn tổ chùa Đọi, chùa Cả (Thánh Ân Tự) ra thăm lễ Phật, nên mọi người được an toàn.

Từ khi về trụ trì chùa năm 1910 cho đến năm 1943, Đại lão Hòa thượng đều tham dự các khóa hạ an cư tại các chốn Tổ đình lớn như: Vĩnh Nghiêm - Đức La, Bồ Đà tỉnh Bắc Giang; chùa Côn Sơn tỉnh Hải Dương, chùa Yên Tử, chùa Cả (Thánh Ân Tự), Nơi nào sam học, Đại lão Hòa thượng cũng đều vận động các Sư tham gia cách mạng Việt Minh, giải phóng dân tộc khỏi ách lầm than, nô lệ của chế độ nửa thực dân nửa phong kiến.

Sau khi đặt ách thống trị, Thực dân Pháp xúc tiến ngay chính sách khai thác thuộc địa. Ngoài những thủ đoạn cướp đoạt bằng chính sách kinh tế, thuế khoá nhằm bần cùng hoá nhân dân, chúng thực hiện nhiều chính sách như: ngu dân, mị dân, chia để trị, gây thù hằn mẫu thuẫn lương giáo,... nhằm làm giảm sự phát triển của Phật giáo và tín ngưỡng thờ tự của người dân Việt ta.

Trước những cơ cực mà thực dân Pháp gây ra cho người dân, đất nước ta thì các phong trào đấu tranh, phản đối chống Pháp xâm lược của văn thân, sỹ phu yêu nước liên tiếp được diễn ra, nhưng do hạn chế về con người, công cụ, nhận thức văn hoá, lịch sử, tính chất liên kết nên các phong trào đều thất bại. Dân tộc ta chìm đắm trong khổ cực, cơ hàn, đêm dài nô lệ. Là một bộ phận của huyện Bình Lục, mảnh đất và nhân dân Đồng Du, cùng quần thể tâm linh thờ tự Chùa- Đình- Phủ Mẫu Quang Minh (làng Bình) cũng nằm trong bối cảnh lịch sử đó.

Trước những đau khổ mà chúng gây ra nhân dân thôn Bình thuộc xã Ô Mễ nói riêng các thôn xã lân cận trên địa bàn toàn huyện đã hun đúc lên tinh thần cộng đồng dân tộc, một ý thức độc lập tự chủ, tự cường và một hoài bão khát vọng có cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc. Từ đó khởi lên tư tưởng đánh đổ để

quốc thực dân giành độc lập dân tộc, đánh đổ địa chủ phong kiến giành ruộng đất cho nhân dân đã trở thành nguyện vọng và nhu cầu bức thiết của người dân thôn Bình xã Ô Mễ.

Thêm vào đó, có sự thúc đẩy tích cực đến từ Phong trào Cần Vương là một cuộc khởi nghĩa vũ trang diễn ra ở Việt Nam vào cuối thế kỷ 19, nhằm chống lại sự xâm lược và chiếm đóng của thực dân Pháp. Phong trào này được khởi xướng từ lời kêu gọi của vua Hàm Nghi, kêu gọi nhân dân và sĩ phu đứng lên cứu nước, bảo vệ triều đình Nguyễn. Phong trào Cần Vương cũng đã tìm đến những cơ sở Phật giáo vận động Chư Tăng Ni, tín đồ Phật tử cùng nhân dân tham gia yểm trợ cho công cuộc đấu tranh khởi nghĩa vũ trang. Các Chùa chiền, cơ sở tự viện Phật giáo trở thành cơ sở kháng chiến và Tăng sĩ không ngần ngại đóng góp phần mình vào công trình cứu nước.

Cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ tại Phú Yên năm 1898 đã vận động được sự yểm trợ rất đông của Tăng sĩ và tín đồ Phật giáo trong hai tỉnh Phú Yên và Bình Định. Thực dân Pháp cùng hệ thống tay sai đã gọi cuộc khởi nghĩa này là “Giặc Thầy Chừa”. Cũng từ đây mà phong trào đấu tranh của Tăng sĩ, Phật tử, nhân dân ngoài miền Bắc lại càng sôi nổi, cuộc vận động của hội “Thượng Chí” do Tăng sĩ Vương Quốc Chính- Trụ trì chùa Ngọc Long Động ở huyện Chương Mỹ, Hà Nội, lãnh đạo ở Bắc hoạt động rất sâu rộng, căn cứ hoạt động là các chùa từ Bắc Ninh Hà Nam, Hà Nội,... vào tới Nghệ An, quy tụ được hàng nghìn Tăng sĩ, hàng vạn tín đồ Phật tử. Nhưng vào đêm ngày mồng 05 tháng 12 năm 1898 tấn công đánh giặc tại Hà Nội của hội đã thất bại và nghĩa quân, Tăng sĩ, tín đồ Phật tử tại các tỉnh thành cũng bị đàn áp kịch liệt, kết quả đau thương là rất nhiều Tăng sĩ, cư sĩ Phật tử cùng nhân dân bị bắt bớ, cho đi tù đầy, có người bị xử tử.

Tuy rằng cuộc vận động “Thượng Chí” do Tăng sĩ Vương Quốc Chính - Trụ trì chùa Ngọc Long Động không giành thắng lợi song đã để lại tiếng vang rộng khắp và tiếp thêm sức mạnh, tinh thần chiến đấu, của Tăng sĩ, cư sĩ Phật tử, nhân dân khắp các tỉnh thành trong đó có Tăng Ni tín đồ Phật tử các xã trên địa bàn huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam tiếp tục kiên trì tham gia các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.



Chùa Côn Sơn (ảnh: Internet)

Trong thời kì này, rút ra bài học kinh nghiệm từ cuộc vận động “Thượng Chí” do Tăng sĩ Vương Quốc Chính lãnh đạo, sư cụ Thích Quang Ứng- trụ trì Chùa Quang Minh thôn Bình đã cùng các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã Ô Mễ, xã Đồng Du, xã An Bài, xã Hưng Công, Ngọc Lũ, Bối Cầu, Tràng Duệ, ... đã liên hệ, phối hợp chặt chẽ, bàn bạc thống nhất lấy các cơ sở thờ tự như: Chùa, Đình, Phủ Mẫu, Đền,... là nơi hội họp, luyện tập quân sự, in ấn tài liệu tuyên truyền, truyền đơn cách mạng, cất giữ cờ Đảng, cờ Tổ quốc, nuôi giấu cán bộ,... cho các lực lượng vũ trang du kích.

Đến năm 1903, sau nhiều lần Thực dân Pháp cùng bè lũ tay sai, phản động, quân chỉ điểm đã theo dõi phát hiện ra Chùa Quang Minh (chùa Bình) là nơi trung chuyển những cán bộ đưa tin, tài liệu cách mạng quan trọng, cờ Đảng, cờ Tổ quốc, truyền đơn,... từ các chùa, cơ sở thờ tự qua lại với nhau, vùng này sang vùng khác mà chúng không kiểm soát hay bắt bớ được nên chúng đã lấy lý do đào sông Sắt nối liền làm nhánh từ sông Châu, khởi nguồn ở bờ hữu gần cầu An Bài (xã Đồng Du, huyện Bình Lục). Trên lãnh thổ thuộc huyện Bình Lục sông chảy theo hướng Bắc - Nam làm thành ranh giới giữa các xã Đồng Du với Hưng Công, An Mỹ với Bối Cầu và Trung Lương, An Đổ với Trung Lương của huyện Bình Lục. Sông Sắt đổ nước vào sông Ninh ở cửa sông gần thôn Giải Đông (xã An Đổ) đối diện bên kia là thôn Mai Động, xã Trung Lương, chúng cho đào sông Sắt nói là để phục vụ cho việc tưới tiêu, hỗ trợ cho nhân dân trồng cấy lúa, cây hoa màu nông nghiệp song thực tế thì nền nông nghiệp các xã dọc tuyến sông dài 9,75km vẫn chỉ là “Chiêm ăn, mùa bỏ”; “chiêm khô, mùa thối”.

Mục đích chính của chúng ở đây là đào sông Sắt để phá bỏ đi ngôi Chùa Quang Minh, ngăn cách sự liên kết hoạt động đưa tin, liên lạc, hoạt động tổ chức cách mạng của bà con nhân dân, văn thân, sỹ phu yêu nước, Tăng sĩ, cư sỹ Phật tử... trên khắp các xã thuộc huyện Bình Lục với nhau.

Trước khi chúng đào dòng sông Sắt thì “Chùa Quang Minh- Đình làng thôn Bình-Phủ Mẫu Non Mây” là một quần thể tâm linh có diện tích rất rộng, kang trang bề thế trong vùng tạo thành một tam giác đều, hay như chiếc kiềng ba chân vững chãi là nơi hoạt động sôi nổi vừa về đấu tranh giải phóng dân tộc chống áp bức thực dân Pháp cùng bè lũ tay sai, bán nước cầu vinh và chế độ phong kiến bên trong, phía ngoài là cơ sở thờ tự, chốn tựa nương tinh thần cho nhân dân chiêm ngưỡng lễ bái cầu an. Sau khi đào sông Sắt chúng đã tháo dỡ hết các hạng mục công trình của chùa lấy gỗ mang đi để chúng xây bớt, còn một số ít lượng khung gỗ kém, nhỏ xấu, sâu mọt thì chúng để lại cho nhân dân dựng lại ngôi chùa nhỏ chênh vênh bên mép dòng sông Sắt nhằm mục đích làm cho có để tạm thời yên lòng nhân dân thôn Bình.

Sau khi tháo dỡ chùa Quang Minh (chùa thôn Bình) để đào sông Sắt và lấy đi những đồ có giá trị, những cột gỗ lim to, chắc chắn, chúng để lại cho dân những cây gỗ cong queo, nhỏ xấu, sâu mọt để xây dựng lại ngôi chùa bé nhỏ chênh vênh bên sườn đê sông, với các công trình tạm như: Tam Bảo, nhà Tổ, nhà khách, một vài công trình phụ trợ. Chúng nghĩ rằng việc đào sông Sắt sẽ làm ngăn cản sự hoạt động đấu tranh chống Thực dân Pháp và chế độ tay sai của nhân dân và các cơ sở Phật giáo, Tăng sĩ, văn thân, sỹ phu yêu nước,... nhưng chúng thực sự đã sai lầm, khi từ điểm này của chúng thành điểm mạnh của ta tăng thêm sự đa dạng trong phong cách hoạt động đấu tranh chống giặc.

Trong giai đoạn này một loạt các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra khắp nơi nổi bật lên là phong trào Đông Du và Đông Kinh Nghĩa Thục (1905-1908) của Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ, Võ Hoàn, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Quyền,... thường hoạt động họp nhóm tại chùa Trấn Quốc, Hoà Mã, Liên Phái,... để cho kín đáo, tránh sự dòm ngó của giặc, đồng thời được sự ủng hộ mạnh mẽ mật thiết của giới Tăng sĩ, cư sỹ Phật giáo đi theo hướng đấu tranh bất bạo động, bằng hình thức tuần tiểu biểu tình trong yên lặng, nhưng kết quả cuối cùng phong trào bị đàn áp, tan dã, “Đông Kinh Nghĩa Thục” bị đóng cửa các đồng chí hoạt động người thì bỏ trốn, người thì bị bắt, người thì bị chúng đưa ra xử tử thị uy. Tuy rằng phong trào thất bại song cũng để lại tiếng vang dội khắp và tiếp thêm sức mạnh tinh thần ý chí quật cường, lòng căm phẫn trước sự đàn áp tàn độc của Thực dân Pháp đối với Tăng sĩ, cư sỹ Phật giáo, nhân dân các tầng lớp, văn thân, sỹ phu yêu nước trên toàn quốc nói chung và thôi thúc thêm tinh thần cho Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ứng và

bà con nhân dân phật tử trong vùng tổng Ô Mễ, Ngô Xá,... sự kiên cường, bất khuất, ủng hộ các phong trào đấu tranh giành độc lập, đánh đuổi thực dân, xoá bỏ phong kiến, người dân có ruộng cày cấy canh tác thoát khỏi đói nghèo cơ cực.

Từ năm 1908- 1917 nhân dân ta chịu cuộc sống cùng cực, con người không có tự do bởi các chính sách bóc lột và chế độ hà khắc của đế quốc làm cho mâu thuẫn càng được đẩy lên cao, các hoạt động đấu tranh giải phóng dân tộc chống áp bức Chùa Quang Minh cũng như các cơ sở Phật giáo, Tăng sĩ, nhân dân tín đồ phật tử, ... trên địa bàn xã Ô Mễ, Đồng Du, An Bài, Hưng Công, ... huyện Bình Lục nói riêng lâm vào thời kì khủng hoảng, song vẫn hoạt động âm thầm, liên kết chặt chẽ, thông tin liên lạc với nhau nhằm chờ đợi cơ hội đầy đủ nhân duyên điều kiện sẽ phát động phong trào đấu tranh.

Tháng 10 năm 1917, biết tin thắng lợi từ cuộc cách mạng tháng mười Nga và phong trào yêu nước hướng vô sản do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo liên tiếp chuyển dội về Việt Nam thông qua tài liệu sách báo, và tất cả công nhân làm việc tại các nhà máy lớn như nhà máy Chai, máy Tơ, máy Dệt Nam Định đã có ảnh hưởng trực tiếp khi tổ chức các cuộc bãi công, đình công, đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống khủng bố, đánh đập người lao động. Chính những hoạt động này đã khơi dậy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân, Tăng sĩ,... trên địa bàn xã.

Sau khi về đến Quảng Châu Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ, lựa chọn những thanh niên tích cực để thành lập ra Cộng sản Đoàn vào tháng 02 năm 1925. Đến tháng 06 năm 1925, người Thanh niên Nguyễn Ái Quốc thành lập “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên” nhằm tổ chức và lãnh đạo các tầng lớp, quần chúng nhân dân, Tăng sĩ, cư sĩ phật tử, văn thân, sỹ phu yêu nước,... cùng nhau đoàn kết, đấu tranh để đánh đổ thực dân Pháp và chế độ tay sai. Với vị trí địa lý tự nhiên của huyện Bình Lục có tính đặc thù, các xã trên địa bàn toàn huyện trong đó có Ô Mễ, Đồng Du, An Bài, Hưng Công,... sớm hoà mình vào phong trào đấu tranh do Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tổ chức. Từ tháng 7 năm 1927- đầu năm 1929, tổ chức này đã phát triển mạnh, thành lập tại 14 xã với 54 hội viên trên địa bàn, đến cuối năm tổng số kết nạp được 110 hội viên Việt Nam Cách mạng Thanh niên phủ đều các xã trên địa bàn huyện Bình Lục.

Năm 1930 (Canh Ngọ), tổ chức Bí mật của Đảng cộng sản Đông dương đã cùng sư cụ Thích Quang Ứng lập kế hoạch tuyển chọn lấy 25 trai tráng lực lưỡng từ các thôn trong vùng, chuẩn bị 1 chiếc thuyền gỗ to, tập chung nhau tại Chùa Quang Minh rồi xuống thuyền do ông Ngô Văn Bảo là người dân thôn Bình xã Ô

Mễ lái di chuyển về khu vực Bình Trung để phá kho thóc nhà Chánh Tổng ác bá để cứu tế cho dân nghèo. Kết quả thu được của 26 trai tráng trong lần đi này đó là rất nhiều thóc, vải đỏ, ... Thóc thì đem chia hết, phân phát đều cho nhân dân, vải đỏ giữ lại để vẽ cờ búa liềm treo cao trên cây đa Đông Đống (ngày nay là nhà của gia đình ông Trần Đình Nhuận ở xóm Quang Trung, Hưng Công) và kẻ băng rôn khẩu hiệu đả đảo chính quyền Thực dân Pháp và quân tay sai.

Sau khi tổ chức sắp xếp xong thì sớm hôm sau quân lính khố xanh và quan tuần phổ phủ Bình Lục đã đi về truy quét tìm khám gắt gao song chúng chả tìm thấy gì, chúng bắt bớ lấy hai anh em ông Lê Thống và Lê Thố nhưng cả 2 ông này đều là bị khuyết tật bẩm sinh. Thóc lấy được thì về chia cho dân cứu đói, vải vóc vẽ cờ được sư cụ Quang Ứng đem cất giấu dưới gầm ban Tam Bảo, chúa Đức Ông,...

Tháng 5 năm 1932, Đại lão Hòa thượng cùng phật tử nhân dân, tổ chức đại lễ Phật đản (Bụt sinh Bụt đẻ). Nhân buổi lễ này đã may và cất giấu cờ búa liềm tại gầm ban Tam Bảo, ban thờ Đức Chúa Ông trong chùa. In ấn tài liệu, báo kêu gọi nhân dân theo Đảng Cộng sản đấu tranh chống áp bức nô lệ của thực dân phong kiến, các tài liệu được phơi khô và cất giấu trong gốc cây đa, tới đến Ngải cùng các chú tiểu và vãi đi rải rọc đường lối chợ Nội, chợ Sông, chợ Quắn,...

Giai đoạn từ năm 1931 đến hết năm 1942, đã có rất nhiều hội nghị họp bàn của Tỉnh Ủy Hà Nam, Liên tỉnh ủy C, Xứ Ủy Bắc Kỳ được tổ chức diễn ra ở Đình Chùa Cổ Viễn (xã Hưng Công), Ban Cán sự Việt Minh huyện Bình Lục họp tại Đình Chùa Hoa Lâm thôn Trung- Đồng Du; các đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng các khu căn cứ cách mạng ở Hưng Công, Đồng Du, Ô Mễ, Tràng An, An Bài,...nhằm củng cố xây dựng lực lượng tự vệ, dân quan du kích tại địa bàn các xã, sắm sửa vũ khí để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền, phong trào chuẩn bị khởi nghĩa ở tất cả các xã trên địa bàn Bình Lục diễn ra rất sôi động, khẩn trương. Tại nội viện chùa Quang Minh (thôn Bình), các lực lượng cách mạng địa phương cùng Đại lão Hoà thượng, chú tiểu, các vãi, nhân dân tập chung in ấn truyền đơn, kẻ cờ Tổ quốc, cờ Đảng, kẻ băng rôn khẩu hiệu, cắt cử người đi dán khẩu hiệu, băng rôn trên đường quốc lộ 21A và những địa điểm tập chung đông người như chợ Nội, chợ Quắn, chợ Sông,... nhằm tố cáo chính sách cướp bóc khủng bố của Thực dân Pháp, Phát xít Nhật và hệ thống tay sai, chống lại sự thu sưu cao, thuế nặng, chống nhổ lúa, phá hoại hoa màu để trồng đay, trồng thầu dầu. Tại chùa lực lượng tự vệ cơ động được thành lập, các lớp huấn luyện quân sự được tổ chức đều đặn thường xuyên, đặc biệt tích cực tham gia phong trào quyền góp sắt, thép, đồng, thau,...

Giai đoạn năm 1943 năm Quý Mùi, tay Lý Trưởng Vũ Văn Thạc đã đem quân lính của phố phủ Bình Lục về thôn Bình, Phùng, Ô Lữ, ... bắt thanh niên đi mộ phu ở đồn điền cao su ở Dầu Tiếng nay thuộc Lô 50, làng 14, nông trường Trần Văn Lưu, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương hoặc bắt đi lính khổ đở cho quân đội viễn chinh của Pháp. Khi ấy tại chùa có sư cụ Thích Quang Ứng và cụ già Ngô Kim Hanh đang nói chuyện đàm đạo về Phật pháp cũng như tình hình chiến sự của đất nước, thấy giặc truy lùng dân ta ráo riết sư cụ cùng lão ông Ngô Kim Hanh (1892-1964) đã nhanh trí kéo 2 ông Nguyễn Văn Dụng và Trần Văn Vụ vào ẩn nấp trong hậu cung của chùa, hai vị này đã nằm nấp dưới bệ thờ Phật cả ngày hôm ấy may mới thoát bị chúng bắt đi phu đồn điền và đi lính.

Ca dao Việt Nam có câu diễn tả lại cảnh con người bị bóc lột khi đi phu tại đồn điền cao su: “Cao su đi dễ khó về- Khi đi trai tráng khi về bủng beo”. Cũng trong thời điểm này hàng ngày tại chùa lại có tiếng trống, tiếng chuông, tiếng mõ,... lại ngân vang khi sư cụ Thích Quang Ứng tổ chức lớp học tế, để phục vụ cho các buổi lễ hội truyền thống của làng.

Giữa năm 1943 - đầu năm 1945, mặc dù bị địch đánh phá, càn quét quyết liệt đối với một số cán bộ của Xứ uỷ, Liên tỉnh uỷ C và Tỉnh Uỷ Hà Nam bị bắt bớ nhưng phong trào vẫn được giữ vững và ngày càng phát triển mạnh mẽ. Các tổ chức tự vệ cứu quốc ở các xã cũng rất phát triển, các lớp huấn luyện cho tự vệ cứu quốc, tập dượt kịch bản cho các cuộc đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, ... tại thôn Bình, xã Ô Mỹ vẫn được tổ chức tại chùa Quang Minh đều đặn.

Ngày 09 tháng 03 năm 1945, quân Nhật đảo chính Pháp, quân Pháp chống cự yếu ớt ở vài nơi rồi sau đó đã đầu hàng, Phát xít Nhật đã dựng lên Chính phủ Trần Trọng Kim và đưa vua Bảo Đại (vị vua thứ 13 Triều Nguyễn làm Quốc trưởng). Trước diễn biến giữa Nhật và Pháp, Trung ương Đảng đã họp và ra Chỉ thị: “Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, nêu rõ: Cuộc đảo chính đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị sâu sắc, song công cuộc chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa vẫn chưa chín muồi, lúc này Phát xít Nhật là kẻ thù chính.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, các công tác chuẩn bị cho công cuộc đấu tranh được nhân rộng, phát triển mạnh mẽ. Lực lượng tự vệ cứu quốc các xã trên địa bàn huyện Bình Lục đã kết hợp cùng các tầng lớp nhân dân, Tăng sĩ, cư sĩ phật tử các chùa trong đó có chùa Quang Minh, văn thân và sỹ phu yêu nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ các cuộc đấu tranh nhân dân và đặc biệt là sự tham gia vào cuộc mít tinh biểu tình của sư cụ Thích Thanh Ứng (Nguyễn Viết Ứng)- Trụ trì Chùa Quang Minh, sư cụ Trụ trì các chùa Nội, Phùng, Ô Lữ, Hoa Lâm, An Bài, Cổ Viễn, Nhân Trai,... và

đông đảo Phật tử tín đồ trên địa bàn các xã Ô Mễ, Đồng Du, Trảng Duệ, An Thư, Hưng Công, An Bài, ... đã hoà mình vào dòng người đi phá kho thóc của Nhật đặt tại nhà Chánh Côn (Ngô Khê), Bá Điểm (An Thư), (Vũ Bị) lấy gần 100 tấn thóc chia cho dân nghèo cứu đói.

Hàng đêm Đại lão Hòa thượng đã tổ chức đưa đón cán bộ Việt Minh qua sông Sắt về Hưng Công và ngược lại, vận chuyển thương binh về chùa để sơ cấp cứu chuyển ra vùng tự do. Thường thì thương binh phải ở lại chữa vết thương nên Ngài đã cho đào hầm an toàn, bí mật trong vườn riềng, vườn rong, bãi sả, để các sư tiểu nuôi dưỡng chăm sóc. Tháng 2 năm 1945, cơ sở hoạt động của tổ chức Việt Minh, nhóm “Độc sách báo”, “Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác”,... và chi đội Tăng già cứu quốc tại chùa bị lộ, Đại lão Hòa thượng cùng ông Nguyễn Hữu Bào cùng một số cán bộ đảng viên khác bị giặc Pháp bắt và đưa về nhà máy Chai Nam Định.

Tại đây, giặc Pháp đã tra tấn giã man hòng lung lay ý chí cách mạng, nhưng Đại lão Hòa thượng cùng ông Bào, một số cán bộ đảng viên vẫn kiên cường, một lòng sắt son theo đường hướng cách mạng, bảo vệ dân tộc, theo lý tưởng cách mạng của Hồ Chủ tịch. Tháng 4 năm 1945, Đại lão Hòa thượng cùng ông Bào, một số chiến sĩ cách mạng khác trong tù đã tổ chức theo một đường dây bí mật trốn thoát khỏi nhà tù máy Chai ở Nam Định của Pháp. Ngay khi thoát khỏi nhà tù, hưởng ứng lời kêu gọi toàn Quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại lão Hòa thượng đã vận động nhân dân khắp nơi ủng hộ muối, nước mắm, gạo chi viện cho kháng chiến.

Tổ chức Việt Minh ở các xã đồng loạt thực hiện cuộc vận động “Sắm vũ khí, đuổi phát xít Nhật” được sư cụ Thích Quang Ứng cùng Phật tử, nhân dân hăng hái tham gia hưởng ứng. Bằng việc làm cụ thể sư cụ đã vận động nhân dân phát tâm quyên góp ủng hộ cách mạng hàng chục đồng tiền đồng dương, tiền hào,... vận động ông Ngô Kim Khái, (thôn Bình- xã Ô Mễ), ông Hà Văn Trôi (Ô Lữ) nhà gần cạnh Chùa là người có tay nghề thợ rèn đốt lò cùng những thanh niên trai tráng trong làng ngày đêm rèn vũ khí giáo mác búp đa, mã tấu, phi tiêu, dao quắm,... ủng hộ lực lượng tự vệ cứu quốc.

Tiếp đến ngày 20/08/1945 dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự Việt Minh huyện, sư cụ Thích Quang Ứng- Trụ trì chùa Quang Minh cùng các sư cụ Trụ trì các chùa Nội, Phùng, Ô Lữ, Đồng Du Trung, An Bài, Cổ Viễn, ... nhân dân, cư sĩ Phật tử tại các chùa, văn thân, sỹ phu yêu nước lại kéo về phá kho thóc của Nhật tại Phố Phủ (nay là Thị trấn Bình Mỹ) lấy thóc chia cho nhân dân.

Lệnh khởi nghĩa của Trung ương, của tỉnh và tin khởi nghĩa giành thắng lợi (19/08/1945) ở các nơi liên tiếp dội về như luồng gió mạnh thổi bùng ngọn lửa

cách mạng của nhân dân Bình Lục nói chung và nhân dân xã Ô Mễ nói riêng sẵn sàng chờ lệnh khởi nghĩa. Ngày 21/08/1945 tại căn cứ xã Đồng Du, Ban Cán sự Việt Minh huyện đã họp bàn quyết định thành lập Ủy Ban khởi nghĩa, cùng ngày lệnh khởi nghĩa của Ban cán sự Việt Minh huyện được chuyển về xã Ô Mễ, nên hội Tăng sĩ, nhân dân, cư sĩ Phật tử vô cùng phấn khởi, tại chùa Quang Minh sôi nổi tổ chức kẻ vẽ băng rôn, biểu ngữ, khẩu hiệu, cơm nắm, gậy gộc chờ đoàn quân của huyện.



Chùa Long Đọi Sơn (ảnh: Internet)

Hội ái hữu của Ô Mễ đã tổ chức vận động quyên góp ủng hộ, sư cụ Thích Thanh Ứng đã kêu gọi nhân dân được gần 5 tạ thóc, hàng chục lít mắm cá, mắm cua,... ủng hộ lực lượng vũ trang của huyện, các cụ Phật tử ở chùa Quang Minh thay nhau tổ chức nuôi quân, góp phần động viên cán bộ chiến sĩ ăn no đánh thắng.

Đến sáng ngày 22/08/1945 sư cụ Thích Quang Ứng cùng Phật tử nhân dân, quần chúng của thôn Bình, thôn Phùng, thôn Ô Lữ, thôn Ô Mễ xã Ô Mễ,... đội ngũ chỉnh tề, băng cờ, biểu ngữ, cờ Tổ quốc, đã gia nhập lực lượng khởi nghĩa phía Nam huyện Bình Lục, từ nhiều ngã đường kéo về bao vây huyện đường bắt tri huyện Bình Lục- Nguyễn Văn Hội đầu hàng giao nộp đồng triện, sổ sách, vũ khí cho Ủy ban khởi nghĩa, hạ cờ của địch và kéo dương ngọn cờ đỏ sao vàng tung bay trong gió.

Cũng trong giai đoạn này Chùa Quang Minh (chùa Bình) trở thành trung tâm hoạt động chính trị. Từ trong Chùa dưới sự hướng dẫn của sư cụ Thích Quang Ứng cùng ông Ngô Kim Khái - Chủ tịch lâm thời 3 thôn đã thành lập xây dựng

các đoàn thể cứu quốc như: Đoàn Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Nông hội cứu quốc, Nhi đồng cứu quốc và xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc, tại chùa cũng diễn ra nhiều buổi diễn thuyết và dạy bà con nhân dân bài hát Quốc ca Việt Nam đó là ông Ngô Kim Thiện (người thôn Bình) khi ấy đang là thành viên đội tự vệ cứu quốc của Thành phố cảng Hải Phòng. Dưới sự lãnh đạo của chính quyền cách mạng lâm thời, được sự giáo hoá, vận động của sư cụ Thích Quang Ứng nhân dân thôn Bình cũng như các thôn lân cận trong vùng tích cực khai hoang phục hoá, mở rộng diện tích canh tác trồng cấy lúa, hoa màu cây ngắn ngày chống đói, cứu đói, tiết kiệm lương thực, các gia đình lập phong trào “Hũ gạo cứu đói” theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân trong thôn cùng nhau hỗ trợ vật tư như tre, rơm rạ,... để sửa chữa lại nhà ở,...

Phong trào chống nạn mù chữ, diệt giặc đói được triển khai rầm rộ, sôi nổi trên diện rộng trong quần chúng nhân dân, chùa Quang Minh cũng được sư cụ Quang Ứng mở cho nhân dân thuộc các lứa tuổi tham gia lớp bình dân học vụ, động viên con cháu của phật tử đi học, thực hiện nếp sống văn hoá mới, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan, tham gia giảng dạy cùng sư cụ Thích Quang Ứng có ông đồ Ngô Kim Khái (1907- 1995) , ông đồ Ngô Kim Tài (1887-1967), ông đồ Ngô Kim Lệ (1902- 1976), ông đồ Ngô Kim Hanh (1892-1964), ông đồ Ngô Kim Núi (1928-2020), Thầy giáo Ngô Kim Hoà (1927-2002); nhà ngay bên cạnh chùa, sau này chuyển sang công tác tại Sở ty Giáo dục tỉnh Thái Bình.

Đứng trước âm mưu Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta và để đối phó với những hoạt động phá hoại của bọn Việt gian phản động, để công tác chuẩn bị lực lượng, vũ khí, tinh thần, tư thế sẵn sàng cho cuộc kháng chiến mới, chi bộ Đảng xã Ô Mễ đã chú trọng tập trung xây dựng lực lượng dân quân du kích được huấn luyện tại chùa Quang Minh thôn Bình với những vũ khí như giáo, mác, mã tấu, dao quắm, gậy tầm vông, được sư cụ Thích Quang Ứng huấn luyện võ, dùng côn,... chuẩn bị ứng phó trước những tình huống xấu khi giặc quay lại xâm lược nước ta. Luôn ở tinh thần sẵn sàng chiến đấu và làm nhiệm vụ, tổ chức tổ tuần tra canh gác giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn xã Ô Mễ, sư cụ trực tiếp tham gia dân quân du kích và dân công tham gia tiêu thổ kháng chiến như: Phá cầu cống, đường nhựa, đường sắt, chặt cây ngáng đường, đào hố cản trở đường đi của giặc,...

Để đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ chính quyền non trẻ, phải đương đầu đấu tranh với thù trong giặc ngoài, ngày mồng 04 tháng 09 năm 1945, Chính phủ ban hành sắc lệnh thành lập “Quỹ độc lập” từ Trung ương về đến cấp tỉnh; tháng 09 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào và chiến sỹ cả nước hưởng ứng

“Tuần lễ vàng” diễn ra từ ngày 17 đến ngày 24 tháng 09 năm 1945. Hưởng ứng sắc lệnh về “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng”, sư cụ Thích Quang Ứng đã vận động nhân dân, cư sĩ phật tử thôn Bình, Phùng, Ô Lữ (xã Ô Mễ) tích cực tham gia sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh tự nguyện đóng góp số tiền do mình chắt chiu, dành dụm được, những đồ trang sức (vàng, bạc,...), sư cụ Quang Ứng- Trụ trì chùa Quang Minh cùng phật tử nhân dân thôn Bình xã Ô Mễ đã hiến tặng cách mạng nhiều đồ thờ tự bằng đồng như: đôi hạc thờ, lư hương, thanh la, lạp bát,... và đặc biệt hơn là chùa Quang Minh (chùa Bình) đã hiến tặng cho phong trào cách mạng quả Đại hồng chung (chuông lớn) có khối lượng 3 tạ 90 kg (390 kg) bằng đồng vàng nguyên chất để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kì, ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh.

Sư cụ Thích Quang Ứng - Trụ trì chùa đã tích cực tham gia công cuộc tuyên truyền vận động, giáo hoá nhân dân, phật tử các già tham gia thực hiện Tổng tuyển cử bầu Quốc hội vào ngày mồng 06 tháng 01 năm 1946 và bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính các cấp vào tháng 02 năm 1946, đây là lần đầu tiên trong lịch sử dựng nước người dân Việt Nam không phân biệt giai cấp, tầng lớp, tuổi tác, giới, tôn giáo được vinh dự tự bản thân cầm lá phiếu bầu cử ra những đại biểu xứng đáng vào bộ máy Nhà nước và các vị lãnh đạo đứng đầu các địa phương. Đến tháng 03 năm 1946 xã Ô Mễ gồm 4 thôn là: Bình, Phùng, Ô Lữ, Ô Mễ đã chuyển về xác nhập với xã Đồng Du.

Trước lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 12 năm 1946, hiệu triệu nhân dân cầm vũ khí đứng lên chiến đấu bảo vệ nền độc lập dân tộc: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm. Không có gươm thì dùng cuốc thuổng gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống Thực dân Pháp cứu nước”, sư cụ Quang Ứng đã cùng nhân dân 4 thôn Bình, Phùng, Ô Lữ, Ô Mễ xã Đồng Du tham gia thu gom, bó gánh vận chuyển hàng trăm gánh rơm rạ chi viện cho Thành phố Nam Định đánh hoả công, tham gia đi đào phá đường giao thông, xây dựng chướng ngại vật trên các trục đường chính, đào hố sâu chữ chi, đắp ụ đất cao, có nơi thì chặt cây đổ ngang đường, cắm cọc tre,... cụ còn vận động nhân dân tiếp tục ủng hộ tiền, gạo cung cấp cho lực lượng vũ trang đang chiến đấu tại Nam Định.

Cũng trong thời điểm này sư cụ Thích Quang Ứng đã vận động nhiều trai gái trong vùng đăng kí tòng quân, thanh niên xung phong, đi khai hoang thoát ly, cống hiến cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi sự xâm lược của Thực dân Pháp, khi này chùa là nơi sinh hoạt của bà con ở xã Ngọc Lũ đi sơ tán, nơi nuôi dưỡng cán bộ, chăm sóc các đồng chí chiến sỹ bị thương được vận chuyển

từ Nam Định về bằng đường thủy.

Ngày 07/ 10 đến ngày 19/12 năm 1947, chiến dịch Việt Bắc Thu Đông bùng nổ, nghe được thư kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đi ngày mồng 08 tháng 10 kêu gọi bộ đội, dân quân du kích và toàn thể đồng bào ra sức tiêu diệt địch, tiếp đó ngày 15/10 Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp. Mặc dầu lúc này Ngài 59 tuổi song với tinh thần yêu nước căm thù giặc xâm lăng, Đại lão Hoà thượng đã tạm gác sự nghiệp tu hành, cởi cà sa khoác chiến bào trực tiếp tham gia kháng chiến tại vùng Yên Thế - Bắc Giang và bị thương nặng ở vùng mạn sườn bụng. Sau đó Đại lão Hoà thượng được đưa về nhà thương điều trị đến khi sức khỏe ổn định Ngài đã đi về lại Chùa Quang Minh tiếp tục sự nghiệp tu hành và hoạt động cách mạng ngầm.

Tháng 01 năm 1948, tỉnh đội Hà Nam đã chỉ thị xây dựng làng chiến đấu, chi bộ Đồng Du đã tổ chức lực lượng du kích ở tất cả các thôn xóm xuống thôn Nhân Trai (Hưng Công) học tập kinh nghiệm rào làng chiến đấu, Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ứng đã vận động nhân dân ủng hộ, đóng góp tre để rào làng chiến đấu, các đường đi vào đầu thôn Bình đều thực hiện làm hàng rào nhiều lớp, nhiều tầng, ở giữa chỉ để một lối nhỏ vừa lọt người đi, lối đi giữa các lớp rào để xen kẽ theo hình chữ chi, lớp ngoài cùng có cổng đẩy và then cài cẩn thận, bố trí hố trồng, cài mìn, chum bẫy giữa các lớp, đào nhiều hào, hố ẩn nấp dọc các đường, vận động các hộ gia đình trong khuôn viên nhà cũng đào hầm chui ẩn cá nhân. Trên địa bàn xã có 8 làng kháng chiến, mỗi làng có 1 đội du kích chiến đấu, Đại lão Hoà thượng đã tham gia vào đội du kích thôn Bình, lấy chùa là căn cứ điểm tập chung.

Năm 1949, thôn Bình tại chùa Quang Minh đã xây dựng tổ chức 2 trung đội du kích một đội nam và một đội nữ tổng quân số lên tới 60 người, từ các loại vũ khí đã có tiếp tục tăng cường thêm các loại vũ khí tự tạo như mã tấu, dao quắm, giáo búp đa, kiếm, mác. Thường xuyên tổ chức các buổi huấn luyện quân sự tại chùa, nghe chia sẻ tuyên truyền, giáo dục đến từ các cán bộ đảng viên vào các buổi tối để nhân dân thấy rõ những việc làm đê tiện, xấu xa của Thực dân Pháp và tay sai, phản động, chỉ điểm, ... vạch rõ bộ mặt xâm lược, áp bức bóc lột, đồng hoá của chúng đối với nước ta và nói rõ cho quần chúng nhân dân ngày càng hiểu rõ hơn đường lối kháng chiến của Đảng ta và của Hồ Chủ tịch.

Từ cuối năm 1949, theo chỉ thị của Liên khu và tỉnh, các xã thi đua vận động phong trào “Đảm phụ quốc phòng” và đóng thóc “Công lương điền thổ” đóng góp cho kháng chiến. Để có lương thực nuôi quân đánh giặc ngoại xâm, Đại lão Hoà thượng đã vận động nhân dân, phật tử quyên góp ủng hộ quỹ nuôi quân

của huyện Bình Lục gồm lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm cần thiết như: thóc, gạo, khoai, mắm cá, mắm cua,...

Năm 1950, được Mỹ viện trợ, Pháp đã thực hiện kế hoạch: Tăng cường lực lượng quân Pháp sang, củng cố và khoá chặt biên giới Việt- Trung, đánh chiếm đồng bằng Bắc Bộ, củng cố nguy quyền tay sai, xây dựng quân đội quốc gia giả hiệu và dùng đội quân này làm nhiệm vụ bình định. Đứng trước tình hình căng thẳng của chiến sự khi giặc đưa thêm quân lính đổ bộ xâm lược nước ta, Đại lão Hoà thượng đã liên kết với các Tăng Ni trên địa bàn huyện Bình Lục cũng như các huyện trong tỉnh, ngoài tỉnh như Hải Dương, Thái Bình, Nam Định,... cùng nhân dân địa phương gây dựng lại cảnh chùa các chốn già lam cho khang trang, tổ chức các ngày lễ lớn của Phật giáo nhằm quyên góp tiền ủng hộ mua vũ khí, đạn dược, lương thực, thuốc men cho bộ đội kháng chiến.

Ngày 22 tháng 04 năm 1950 nhằm ngày mồng 06 tháng 03 năm Canh Dần (1950), hôm đó chùa tổ chức làm lễ cúng Mẫu nhân tháng tiệc “Tháng tám tiệc Cha, tháng ba tiệc Mẫu” cầu an nên nhân dân phật tử thôn Bình và trong vùng tập trung rất đông, thành viên tổ du kích thôn Bình cũng tham dự lễ hôm đó và tổ du kích cất cử nữ Thanh niên trẻ Ngô Thị Lộc (là người thuộc gái họ Ngô sinh sống tại thôn Bình) sinh năm 1930 người con gái thôn Bình, trụ trì trông canh giữ phục kích giặc ở điểm cách chùa 100m để khi địch đến còn báo hiệu cho mọi người đang lễ ở chùa được biết mà tìm cách chống đỡ. Trong trận càn quét đó chúng đã được quân do thám tay sai phản động chỉ điểm nên đã phát hiện ra chị, biết chúng đang tiến sát lại gần mình, tay phải chị đã cầm quả lựu đạn mỏ vịt, tay trái đã rút chốt an toàn chỉ chờ đợi chúng tiến sát lên một chút nữa chị sẽ quăng quả lựu đạn về phía chúng và liều mình quyên sinh. Giặc đoán được ý định của chị nên đã bắn ra 1 băng đạn tiểu liên AK về phía chị khiến chị trúng đạn ở đầu và hi sinh tại chỗ. Chị đã hi sinh anh dũng trên mảnh đất quê hương Đồng Du, chị ngã xuống cho lý tưởng cách mạng, cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thoát khỏi ách nô lệ, bóc lột đàn áp của giặc với nhân dân ta, chị đã được Đảng và Nhà nước, nhân dân công nhận là Liệt sỹ thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Ngày 21 tháng 5 năm 1950, thực dân Pháp điều 5000 quân, đa số là Âu Phi, mở cuộc hành quân Đa vít chia làm 5 mũi, đánh chiếm Hà Nam, đi dọc sông Đáy khi qua địa phận xã Đồng Du tới cầu phao An Bài bị tổ du kích của Đồng Du gồm 4 đồng chí: Nguyễn Văn Dụ, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Kiên, Nguyễn Văn Nghiên cho nổ mìn làm 8 tên lính bỏ mạng, phá huỷ 1 súng máy. Trong trận đánh này, quân ta bị thiệt hại 2 đồng chí là: Nguyễn Văn Kiên, Nguyễn Văn Tuấn đã anh dũng hi sinh. Bị thiệt hại nặng nề nên quân giặc đã toả ra các thôn Bình, Phùng, Ô Lữ,... lùng sục để bắt, tiêu diệt lực lượng quân du kích của ta, do

vậy chùa Quang Minh, Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ưng đã nằm vào tầm ngắm để ý của giặc, chúng điên cuồng bắn phá, bắn chết gần chục người dân vô tội, làm sát thương nhiều người, cướp bắt lấy đi nhiều tài sản giá trị của nhân dân, khiến cho cuộc sống của bà con nhân dân trên địa bàn xã Đồng Du bị xáo trộn, hoang mang lo lắng.

Trong chùa, Đại lão Hoà thượng và phật tử vừa phải đương đầu với kẻ thù, vừa tăng gia sản xuất chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến. Trong thời gian này, chùa là nơi hội họp bí mật của cán bộ nằm vùng nắm bắt tình hình, xây dựng lực lượng, xây dựng cơ sở. Gầm Tòa Tam Bảo chính trong chùa làm nơi in ấn tài liệu, vườn riềng, sả, vườn chuối, gốc đa, bụi tre rậm rạp là nơi cất dấu tài liệu, cờ Đảng, cờ Tổ quốc, là nơi xây dựng những căn hầm bí mật. Chính nơi đây là nơi hội họp, đi về trao đổi tin tức của cán bộ trong vùng.

Một mặt Đại lão Hoà thượng cũng đi tới các chùa bề nổi là để chia sẻ Phật pháp, cúng lễ cầu an cho dân,... nhưng sâu xa hơn đó là Ngài đi làm công tác dân vận, tuyên truyền, vận động nhân dân một lòng theo Đảng, quyết chí cùng Hồ Chủ tịch đánh đuổi ngoại xâm, động viên các thanh niên nam nữ tòng quân giết giặc, Ngài đã đến chùa Mạ ở Đước- Bình Lục, chùa Già ở làng An Thị- Ý Yên Nam Định, chùa Mạ ở làng chợ Mạ Ý Yên Nam Định,...

Đại lão Hoà thượng đã hưởng ứng, tham gia tích cực cổ vũ phong trào “Đỡ đầu bộ đội”, “Mùa đông binh sĩ”, “Nuôi dưỡng thương binh”, “Hũ gạo kháng chiến”, “Bán gạo khao quân”,... trong quần chúng nhân dân, có tác động sâu sắc, tình cảm, tâm lý suy nghĩ của nhân dân, bên cạnh đó Đại lão Hoà thượng còn giáo hoá, khuyến khích động viên một số Tăng Ni trẻ tình nguyện xin gia nhập vào bộ đội đi chiến đấu. Ngài trực tiếp lên khoá lễ cời Cà Sa cho 7 nhà sư tại chùa Quang Minh, và 13 người Thanh niên phật tử đi tòng quân, động viên an ủi tinh thần và tiễn đưa mọi người lên đường theo tiếng gọi hồn thiêng sông núi, vững tay súng quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh, vì nền độc lập tự do của Dân tộc.

Thực hiện chỉ thị của Liên khu uỷ Liên khu III, từ ngày 25 tháng 07 đến 25 tháng 09 năm 1950, Tỉnh uỷ Hà Nam mở cuộc vận động 2 tháng “Lương- Giáo đoàn kết thi đua giết giặc”, một phong trào thi đua xây dựng cơ sở giết giặc lập công dấy lên toàn tỉnh. Đúng thời khắc sang canh Tý, 11h đêm ngày 25 tháng 07 tại chùa Quang Minh thôn Bình, Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ưng đã tập hợp nhân dân phật tử già làng mang chiêm, trồng, mỗ, phách, thanh la, tù và, lạo bạt cùng các thôn khác trên địa bàn đồng loạt nổi lên rầm rộ nhằm mục đích gây khí thế uy hiếp tinh thần quân địch. Đại lão Hoà thượng cùng đội dân quân du kích đốt đuốc tuần hành. Các lực lượng vũ trang tuyên truyền, xâm nhập vào các thôn mà chúng đã lập tế vũ trang. Mọi người treo cờ, rải truyền đơn lòng

bắt tề phản động, tập hợp quần chúng nhân dân tuyên truyền đường lối chính sách của đảng ta, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vạch trần những tội ác của giặc.

Ngày 22 tháng 08 năm 1950 (nhằm ngày mồng 04 tháng 07 Canh Dần 1950), giặc Pháp đã mở cuộc tấn công càn quét vào chùa Quang Minh, lùng sục khám xét đe dọa, khủng bố tinh thần Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ứng- thôn Bình xã Đồng Du, mặc dù quân dân ta đã giành chiến thắng, đẩy lùi được bước tiến của địch, làm địch tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, thu nhiều vũ khí, song đội quân du kích của thôn Bình cũng đã bị thiệt hại, tổn thất nặng khi đồng chí Trần Văn Lộc là người con em thôn Bình đã ngã xuống hi sinh khi tham gia cuộc chiến đấu chống sự càn quét địch về chùa thôn Bình, đồng chí Trần Văn Lộc đã được công nhận là Liệt sỹ thời kì kháng chiến chống Pháp.

Phát huy thắng lợi của đợt hoạt động “Lương- Giáo đoàn kết thi đua giết giặc” do Liên khu uỷ phát động, bước vào Đông Xuân 1950-1951, phối hợp với chiến dịch Biên giới, Đại lão Hoà thượng cùng quân và dân thôn Bình, xã Đồng Du và các thôn các xã lân cận như Hưng Công, Tràng An, Ngọc Lũ, Bối Cầu, Phố phủ, Trịnh Xá, Đồn Xá,... đẩy mạnh mọi phong trào hoạt động nhằm đưa cuộc kháng chiến lên 1 tầm cao mới, củng cố các khu chiến đấu liên hoàn, củng cố “Làng kháng chiến”, theo sát yêu cầu của chiến tranh du kích.

Là người hoạt động năng nổ tích cực, hiệu quả và là người có tiếng nói trong quần chúng nhân dân với lại Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ứng cũng đã di chuyển vùng hoạt động xuống khu vực chùa Mạ, chùa Già, chùa Tân,... của huyện Ý Yên nên Ngài đã được cử đi cùng một số đồng chí Đảng viên là cán bộ huyện và một số đồng chí thường vụ, chi uỷ xã để học tập, trao đổi kinh nghiệm xây dựng tổ chức “Thôn trang chiến” để về áp dụng cho thôn cho xã trên địa bàn huyện Bình Lục. Sau khi về Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ứng đã tích cực thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân “Bám đất, bám dân, bám làng”, khôi phục cơ sở và phát động cuộc chiến tranh du kích trên toàn địa bàn, các hình thức tác chiến du kích, đánh phục kích, đánh địa lôi, tuyên truyền vũ trang, phá tề trừ gian, đánh giao thông, đánh tiếp tế,...



Non thiêng Yên Tử (ảnh: Internet)

Mặc dù khó khăn, nguy hiểm, căng thẳng là thế, nhưng Đại lão Hoà thượng cùng nhân dân phật tử thôn Bình vẫn tin vào cách mạng, tin vào thắng lợi cuối cùng của Đảng ta của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ tháng 7 năm 1951 đến tháng 12 năm 1952, giặc Pháp đã rất nhiều lần tổ chức càn quét, truy lùng, khám xét ráo diết các chiến sỹ cách mạng, quân báo trình sát của ta về nằm vùng tại chùa Quang Minh để vẽ sơ đồ bốt An Bài để quân chủ lực của ta tấn công phá bỏ bốt An Bài, nhưng nhờ vào kinh nghiệm nhiều năm hoạt động cách mạng của mình mà Đại lão Hoà thượng đã có sự chuẩn bị sẵn các loại giấy sớ, kinh sách, khoa cúng, áo the, khăn xếp, pháp khí phục vụ nghi lễ cúng, tế tự,... để cho các cán bộ của quân ta mặc vào nhằm chống lại sự bắt bớ, đánh đập của giặc.

Cũng trong thời gian này quân chỉ điểm, tay sai, phản động đã theo dõi gắt gao sự hoạt động của quân dân ta tại chùa Quang Minh có Đại lão Hoà thượng, thôn Bình, thôn Ô Lữ,... Đầu tháng 12 năm 1951 chúng đã bắt được đồng chí Lưu Đức Giác- Chủ tịch xã, đồng chí Vọng hoạt động trong thôn Ô Lữ và xử tử hai đồng chí ngày 13 tháng 12 năm 1951 bên dòng sông Sắt, đến tháng 12 năm 1952 đồng chí Ngô Kim Tuyên (1925-1952)- tổ trưởng đội dân quân du kích hoạt động tại chùa thôn Bình cũng bị chúng bắt. Khi bắt được đồng chí Ngô Kim Tuyên đem về đồn bốt An Bài, với nhiều phương cách dụ dỗ, lời ngon ngọt cho đồng bạc trắng Đông Dương, cho quyền chức, rồi tra khảo, dùng cực hình đánh đập hành hạ dã man nhằm mục đích điều tra xem Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ưng- Trụ trì chùa Quang Minh có tham gia hoạt động cách mạng không, chùa có phải là nơi hội họp, nuôi dưỡng cán bộ không, nhưng đồng chí Tuyên đã rất kiên cường, một lòng theo Đảng, quyết tâm theo Chủ tịch Hồ Chí Minh để đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi sự xâm lược của Thực dân Pháp nên không hề khai báo

ra gì. Trước sự kiên trung vững lòng của đồng chí Ngô Kim Tuyên (1925-1952) quân giặc rất tức tối, cay cú và chúng đã đem đồng chí ra Cầu phao An Bài (bên dòng sông Sắt) để bắn chết nhằm thị uy làm cho quần chúng nhân dân ta sợ hãi vào ngày 13 tháng 12 năm 1952 (nhằm ngày 27 tháng 10 năm Nhâm Thìn).

Đứng trước tình hình căng thẳng đó, Đại lão Hoà thượng biết rõ chúng đã được quân tay sai, chỉ điểm thông tin phát hiện ra Ngài cũng như ngôi chùa Quang Minh, thôn Bình là nơi điểm tập trung cơ quan chỉ huy, đầu não của các hoạt động về đấu tranh cách mạng chống Pháp giải phóng dân tộc, là nơi diễn ra các hoạt động chính trị, quân sự, văn hoá- xã hội, giáo dục,... của địa phương. Nên tháng tư âm lịch, chuẩn bị tới mùa An cư kết hạ năm 1952, Đại lão Hoà thượng đã triệu tập cuộc họp kín với các cụ cao niên trong thôn, một số vị cốt cán trong đội du kích của thôn,... để bàn bạc và đưa ra phương án kế sách nhằm chống lại sự truy lùng của giặc.

Lấy lý do đi An cư Kết hạ, nhưng thực chất Đại lão Hoà thượng đã di chuyển xuống chùa Mạ ở Đước (xã Tiêu Động), chùa Mạ (Chợ Mạ- Ý Yên), chùa Già, chùa Tang,... ở huyện Ý Yên Nam Định để hoạt động, tránh đi sự theo dõi của quân trinh thám, chỉ điểm tay sai, tránh đi sự bắt bớ của giặc.

Năm 1952, trước khi đi An cư kết hạ, Đại lão Hoà thượng đã giao lại chùa cho nhân dân cắt cử nhau trông coi quản lý đèn hương, thời khoá, quét dọn. Thời gian này quân giặc đóng tại bốt An Bài đã nống ra đi càn quét, cướp bắt, vơ vét tài sản của nhân dân trong vùng. Ngày rằm tháng 6 năm Nhâm Thìn (1952), chúng đã kéo một toán đông vài chục tên có cả Âu Phi, lính khố đỏ, 2 tên lính da trắng, quân tay sai, ... trong đó có tên thiếu úy đồn trưởng Lê Chiêm cùng tên đội Tuần và tên cai Mễ dùng súng bắn một băng đạn tiểu liên lên trên mái chùa Quang Minh để thị uy, đe dọa, trong lúc bà con nhân dân đang tụng kinh, lễ Phật.

Ngày 17 tháng 05 năm 1952, địch từ bốt An Bài hành quân đến Đền Cánh (Kính Tiên (Thiên), đình An Bài nhằm dỡ gạch, gỗ lạt mang về xây dựng lô cốt. Du kích của các thôn tại xã Đồng Du phối hợp với B54 của huyện phục kích, đặt súng máy sẵn sàng chiến đấu, chi viện yểm trợ.

Tháng 6 năm 1952 chúng lại đi nống ra chùa Quang Minh, thôn Bình dỡ chùa bắt phu chuyển gạch, gỗ về để xây bốt An Bài, trước hành động ngang ngược, càn quấy của địch, nhân dân thôn Bình trong đó có cả những thành viên đội du kích đã đứng lên hiên ngang phản đối, kêu gọi nhân dân biểu tình chống lại hành động dỡ chùa của giặc. Chúng đã nổ súng bắn 1 băng đạn để đe dọa quần chúng nhân dân. Chúng đã dỡ chùa đi, đem tượng Phật ném quăng xuống dòng sông Sắt rồi chúng dời đi khi đã lấy hết gạch và những cây cột gỗ còn tốt. Vậy

là ngôi cổ tự Quang Minh (chùa Bình) linh thiêng, bao năm phục vụ cách mạng, là nơi hoạt động của các đồng chí Đảng viên, cán bộ từ Tỉnh uỷ Hà Nam, Liên khu C, huyện Bình Lục, các tổ chức cách mạng, nơi nuôi dưỡng, bảo vệ, trung chuyển thông tin, ... từ đây không còn nữa. Sau đó dân làng đã nhanh chóng lội xuống sông Sắt vớt hết tượng của chùa lên bờ, nhìn cảnh mà xót xa, trước tình cảnh đau thương này toàn thể nhân dân thôn Bình đã thống nhất cùng nhau công tượng Phật lên thờ tạm thời tại Đền Cánh Tiên (Kính Thiên) ngay gần Đình An Bài.

Tháng 7 năm 1952, địch từ chốt An Bài nổi ra càn quét ở thôn Bình, Phùng, Ô Lữ,... chúng đã di chuyển đến Đền Cánh Tiên (Kính Thiên), tổ chức bắt phu rở Đền lấy gạch, gỗ mang về tiếp tục xây lô cốt, quân ta đã phục kích sẵn ở khu vực này, trong lúc chúng đang vận chuyển gạch, gỗ thì quân ta nổ súng tiêu diệt, trong trận này ta diệt được 12 tên giặc, bắn bị thương 7 tên, thu 10 cây súng các loại. Sau trận này ngôi Đền Kính Thiên (Cánh Tiên) cổ kính linh thiêng cũng không còn, cảnh tượng hoang sơ đổ nát, mọi thứ ngổn ngang, khiến lòng người con Phật se thắt lại. Một lần nữa nhân dân thôn Bình lại phải công Phật di chuyển về thờ tạm thời tại Đình thôn Bình nằm bên kia sông Sắt xóm Quang Trung (nay là Đình Quang Trung- Hưng Công) cho đến thời nay.

Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ứng sau khi xuống chùa Mạ (Đước- Tiêu Động), chùa Mạ (chợ Mạ- Ý Yên), chùa Già, chùa Tàng,... tại Ý Yên Nam Định tu tập hoạt động cách mạng, nhưng khi ấy giặc Pháp cũng càn quét căng thẳng, gặt gao tại nơi đây, chúng biết được từ quân chỉ điểm, phản quốc thông tin sự cụ là một người hoạt động cách mạng năng nổ, tích cực, luôn tuyên truyền vận động nhân dân tham gia cách mạng, chống Pháp, ủng hộ nhu yếu phẩm, lương thực, thuốc men, tiền bạc cho cách mạng, lại tổ chức in ấn tài liệu, cờ Đảng, cờ Tổ quốc, luôn giáo hoá thanh niên là con em nhân dân Phật tử tự nguyện xin gia nhập đi theo tổ chức cách mạng chống Pháp, đi theo lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhận thấy Đại lão Hoà thượng là người có tầm ảnh hưởng sâu rộng và là mắt xích nhân tố quan trọng trong tổ chức hoạt động cách mạng chống Pháp, nên ngày mồng 04 tháng 10 năm 1953 chúng đã bắt Đại lão Hoà thượng Thích Quang Ứng áp giải lên trên núi Già, sau khu vực chùa Già (Ý Yên- Nam Định) để tra tấn, hành hạ, để khai thác thông tin các đồng chí, những tổ chức cách mạng đang hoạt động, nhưng với lòng gan dạ, quyết chí vì Đất nước, dân tộc, quốc gia một lòng với Đảng cho dù chúng tra tấn dã man thế nào Ngài cũng không khai nửa lời. Đứng trước sự kiên trung bất khuất, không chịu đồ hàng giặc nên chúng đã nã súng vào Đại lão Hoà thượng vào chiều tối trời đông gió rét ngày mồng 04 tháng 10 năm Quý Tỵ (nhằm ngày 20 tháng 11 năm 1953) tại ngọn núi Già, Ngài trụ thế 65 tuổi.

Đại lão Hòa thượng đã dâng hiến trọn đời mình cho Tổ Quốc và sự nghiệp cách mạng đến hơi thở cuối cùng khi bị quân giặc sát hại tại đỉnh ngọn núi Già vào lúc 17h 40 phút ngày 04 tháng 10 năm Quý Tỵ (nhằm ngày 20/11/ 1953).

Trong quá trình chuẩn bị tổng khởi nghĩa, các ngôi chùa ở huyện Bình Lục nói riêng các huyện trên địa bàn tỉnh Hà Nam nói chung đã đóng góp một vai trò khá quan trọng trong việc hậu phương, quân vận. Ngoài việc sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh của dân làng, chùa Quang Minh còn là nơi che giấu cán bộ hoạt động cách mạng. Nơi chứa cất vũ khí, đạn dược, lương thực, thuốc men cho kháng chiến.

Chùa Quang Minh sau khi bị giặc bắt phu phá dỡ lấy gạch, lấy gỗ tốt, còn một ít chúng để lại, nhân dân thôn Bình đã mang đi dựng nhà làm nơi hội họp, trường dạy học của thôn tại khu đất tập thể.

2.3 Những cống hiến của Ngài cho đạo pháp và dân tộc

2.3.1 Tinh thần đồng hành cùng dân tộc

Đại lão Hòa thượng đã luôn đề cao tinh thần “Phật giáo đồng hành cùng dân tộc”, với phương châm “Đạo pháp- Dân tộc- Chủ nghĩa- Xã hội”. Ngài đã tích cực tham gia các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, cùng toàn thể nhân dân tín đồ Phật tử trong một vùng sâu rộng hoạt động, hòa mình vào đời sống dân tộc, đồng hành cùng sự nghiệp xây dựng đất nước.

Tận tình với công việc Nhà chùa, làm tốt bốn phận người Trụ trì. Nêu cao tinh thần giác ngộ, cầu thị, lắng nghe học hỏi, tìm hiểu sáng tạo trong công việc. Bản lĩnh chính trị vững vàng, không sợ hiểm nguy tính mạng, quyết tâm bảo vệ cách mạng. Đại lão Hòa thượng đã tham gia tổ chức nhiều nghi lễ tâm linh, đáp ứng nguyện vọng tinh thần cho nhân dân. Chăm lo, bảo tồn và giữ gìn bản sắc văn hóa, duy trì và phát triển Phật giáo trấn Sơn Nam.

Đại lão Hòa thượng luôn nêu gương sáng về lòng bao dung độ lượng, chân tu giản dị, sống tiết kiệm, mộc mạc thanh bần. Dù khó khăn gian khổ, bị đàn áp tra tấn dã man, nhưng Đại lão Hòa thượng vẫn nêu cao tinh thần độc lập, tự tôn dân tộc, ý chí kiên cường, bất khuất, hiên ngang trước giặc ngoại xâm, một lòng trung kiên theo Đảng, theo Bác, theo đường hướng cách mạng, giải phóng Dân tộc.

2.3.2 Hoạt động nhân đạo, từ thiện - xã hội

Từ những việc rất nhỏ như giúp đỡ người nghèo, người neo đơn không nơi nương tựa, khuyến học khuyến tài, vận động nhân dân góp gạo, muối mắm,... ủng hộ cách mạng, cứu trợ thiên tai bão lụt đắp đê, tát nước chống hạn hán, cho đến các chương trình từ thiện quan tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ, Đại lão Hòa thượng đều là người khởi xướng và vận động. Ngài xem đây là biểu hiện sống động của tinh thần từ bi cứu khổ ban vui, thực hành hạnh Bồ tát của đạo Phật.

Ở các ngôi chùa giữ vị trí trụ trì, Đại lão Hòa thượng đã tổ chức nuôi những người cô đơn không nơi nương tựa, người tật nguyền cũng như một số chiến sĩ bị thương. Hàng đêm, tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ của địa phương. Ngài luôn quan tâm chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho các đệ tử, Hội viên.

2.4 Ý nghĩa và tấm gương sáng

Cuộc đời Đại lão Hòa thượng là một tấm gương sáng về sự kiên định, bất khuất, những vẫn giữ tâm thanh tịnh, sống cống hiến trọn vẹn một đời cho Đạo pháp cho dân tộc trong thời kỳ vận nước nguy nan.

Ngài đã thắp sáng niềm tin cho nhân dân tín đồ Phật tử về hình ảnh người Tu sĩ luôn tận tâm tận lực tận hiến hi sinh cá nhân để phục vụ đất nước, đem lại lợi ích cho số đông, Ngài cũng đã hướng đạo cho bao thế hệ Tăng Ni, Phật tử trên con đường tu nhân học Phật, thực hành giáo lý Phật đà, hành Bồ tát đạo giữa đời sống đầy biến động.

Dù rằng Đại lão Hòa thượng đã viên tịch cách nay 72 năm có dư, nhưng hạnh nguyện, đạo hạnh và công đức, những sự cống hiến hi sinh của Ngài cho Đạo Pháp- cho Dân tộc sẽ vẫn còn mãi, trở thành hành trang và động lực cho thế hệ Tăng Ni trẻ thời nay nói riêng cũng như bà con nhân dân tín đồ Phật tử nói chung noi theo trên bước đường tu nhân học Phật, xả thân vì đạo vì đất nước, dân tộc.

III. Tổng kết

Đại lão Hòa thượng Thích Quang Ứng là một bậc chân tu giản dị, sống thanh bần thủ đạo, cả cuộc đời hết lòng phụng sự Tam Bảo, giúp đỡ nhân sinh, cống hiến cho đất nước. Từ những hoạt động tham gia cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc ở nhiều nơi, nhiều vùng, những hành trạng, đạo hạnh cho đến công hạnh hoằng pháp, thực hiện nghi lễ tâm linh của Ngài, tất cả đều minh chứng cho tinh thần bất thoái chuyển của người xuất gia với phương châm “đưa đạo vào đời”, “Phật giáo đồng hành cùng dân tộc” đến những hơi thở cuối cùng

trước sự tra tấn dã man của giặc Ngài vẫn giữ vững khí chất hiên ngang, bất khuất kiên cường để bảo vệ cơ sở chính Đảng, các đồng chí đồng đội, các huynh đệ đồng tu cùng tham gia hoạt động cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc đưa đến hoà bình, tự do dân chủ, hướng đến đời sống nhân sinh ấm no, hạnh phúc.

Tác giả: **Thích Hải Thịnh**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Chùa Bình (Quang Minh) tỉnh Ninh Bình.

Tài liệu tham khảo:

1] Lịch sử Đảng bộ xã Hưng Công (1930-2005).

2] Lịch sử Đảng bộ xã Tràng An (1930-2005).

3] Lịch sử Đảng bộ xã Đồng Du (1930-2000).

4] Lịch sử Đảng bộ huyện Bình Lục (1930-2005).

5] Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc huyện Bình Lục (giai đoạn 1945-2015).

6] Địa chí huyện Bình Lục.

7] Lịch sử Đảng bộ huyện Ý Yên tập I (1930-1975).

8] Gia phả dòng tộc họ Nguyễn Viết tại làng An Bài xã Đồng Du.

9] Trích dẫn, cập nhật lời của các cụ cao niên tại các làng Bình, An Bài, Ô Lữ, Phùng kể lại.

10] Bản sơ thảo “Lịch sử chùa Quang Minh”.